

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN DƯƠNG KINH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 18-9-2024  
V/v tranh chấp chia tài sản chung vợ  
chồng sau ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Tuyên

Ông Trần Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguy đơn:** Chị Nguyễn Thị Y; nơi cư trú: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Đình D - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bạch Đằng (theo giấy ủy quyền ngày 18/9/2021); có mặt

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S; nơi cư trú: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Công Đ và bà Vũ Thị T; đều cư trú tại: Thôn Ngọc Trì, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh BắcCu Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Đặng Minh C và bà Nguyễn Thị L đều cư trú tại: Số 28B khu 3 Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguY đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị và anh S kết hôn năm 2012, đến năm 2020 đã ly hôn theo bản án số 15/2020/HNGĐ do Tòa án nhân dân quận Dương Kinh quyết định, về hôn nhân và con chung đã giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh S chưa giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân với anh S chị và anh S có tài sản chung là quyền sử dụng 124 m<sup>2</sup> đất tại thửa 106 tờ bản đồ 62 thuộc tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng. Diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 967992 do UBND quận Dương Kinh cấp ngày 28-8-2017 số vào sổ cấp GCN: CH 00691/Q2 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Y, hiện nay chị là người đang cất giữ và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng còn có một khoản nợ chung: Vay anh Đặng Minh C và vợ là Chị Nguyễn Thị L (chị gái chị Y) số tiền 240.000.000 đồng vào ngày 11-5-2017, cộng với số nợ cũ là 50.000.000 đồng tiền lo vay xin việc cho anh S; tổng cộng số tiền vợ chồng anh chị nợ anh C và chị L là 290.000.000 đồng có giấy vay tiền hẹn đến ngày 17-5-2020 trả. Ngoài ra, vợ chồng anh chị còn nợ bố mẹ đẻ chị Y là ông Nguyễn Công Đ số tiền 50.000.000 đồng vay để xây nhà. Nay chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên làm hai phần, chị và anh S mỗi người ½ diện tích đất, chị có nguyện vọng được nhận bằng quyền sử dụng đất. Về khoản nợ chung: chị đề nghị Tòa án chia đều cho mỗi người ½ nghĩa vụ trả nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S cho biết diện tích đất 124 m<sup>2</sup> là tài sản chung của hai anh chị. Chị Y yêu cầu chia tài sản chung thì anh không đồng ý, anh có nguyện vọng khi con đủ 18 tuổi thì sẽ để lại cho con, nếu chị Y đồng ý thì anh và chị Y đứng tên giám hộ và sang tên đất cho các con đến năm đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Minh C và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Vợ chồng anh trong năm 2017 có cho vợ chồng anh S chị Y vay số tiền 240.000.000 đồng để mua đất và xây nhà, cộng với số nợ cũ là 50.000.000 đồng. Tổng số nợ đã vay của vợ chồng anh C là 290.000.000 đồng, đến nay vợ chồng anh S chưa trả, chị chị đề nghị chị Y và anh S phải trả cho anh chị khoản tiền nói trên, anh chị không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Công Đ và bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Trong giai đoạn hôn nhân vợ chồng anh S chị Y có vay của ông bà số tiền 2.000 đô la mỹ tương đương số tiền 50.000.000 để mua đất và xây

nhà vào năm 2017. Đến nay vợ chồng anh S chưa trả, ông bà đề nghị chị Y và anh S phải trả cho ông bà số tiền vay nêu trên.

Ngày 15-6-2022 Tòa án thông báo thụ lý yêu cầu độc lập số 215a và 216a thụ lý yêu cầu độc lập của anh C chị L và vợ chồng ông Đ, bà T. Đến ngày 23-8-2024, ông Đ và T đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân quận Dương Kinh đã xác minh tại chính quyền địa phương và người có đất giáp ranh với diện tích đất của chị Y và anh S về diện tích đất tranh chấp. Tại Biên bản ghi lời khai, ông Đồng Xuân Đ và bà Vũ Thị L là hàng xóm của chị Y và anh S cung cấp: Năm 2017, ông bà chuyển nhượng cho chị Y và anh S diện tích 124 m<sup>2</sup> đất tại thửa 106 tờ bản đồ 62 thuộc tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng và anh chị đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Khi chuyển nhượng cho chị Y và anh S trên đất có ngôi nhà cấp 4 cũ, có 1 phần nằm trên phần đất của gia đình ông bà. Ông bà vẫn giữ nguY hiện trạng để chị Y và anh S sử dụng. Nay anh chị chia tài sản chung, ông bà đề nghị tòa án chia phần diện tích đất và vật kiến trúc nằm trên phần đất theo ranh giới trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Y và anh S được cấp; phần nhà nằm trên diện tích nhà ông bà hai bên sẽ tự thỏa thuận để tháo dỡ đúng ranh giới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà không liên quan đến việc chia tài sản chung vợ chồng của anh S và chị Y nên đề nghị Tòa án không xác định ông bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tòa án nhân dân quận Dương Kinh đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp, tại Kết luận định giá tài sản xác định: tổng giá trị tài sản tiến hành định giá là 1.738.409.000 đồng. Trong đó, quyền sử dụng 124,0 m<sup>2</sup> đất tại vị trí đang tranh chấp trị giá 1.625.144.000 đồng (tương đương 13.106.000 đồng/m<sup>2</sup>). Vật kiến trúc trên đất là 104.565.000 đồng, trong đó: Trị giá nhà số 1 (phía trước) là: 52.623.700 đồng, trị giá nhà số 2 (phía sau) là: 45.039.312 đồng, trị giá tôn bán mái là: 2.017.350 đồng, trị giá giàn trồng cây là: 1.831.938 đồng, trị giá cổng thép hộp là: 1.526.364 đồng, trị giá hàng rào 2 bên cổng là: 752.734 đồng, trị giá tường bao trụ cổng (2 bên) là: 774.048 đồng. Tổng giá trị cây trồng trên đất là 8.700.000 đồng, trong đó: Trị giá cây xoài là 2.200.000 đồng, trị giá cây bưởi là 1.000.000 đồng, trị giá cây nhãn là 5.500.000 đồng.

Chị Y có đơn yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, sau đó có đơn rút không yêu cầu định giá lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng hết thời hạn mà các đương sự không cung cấp được các tài liệu chứng cứ theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả tiếp cận chứng cứ và thông báo về việc xác định giá tài sản tranh chấp theo Kết luận của Hội đồng định giá, thông báo về kết quả thẩm định tại chỗ diện tích đất nhưng các đương sự không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và căn cứ quy định tại các điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y về yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 124 m<sup>2</sup> tại tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng, thửa 106 tờ bản đồ 62, giấy chứng nhận được UBND quận Dương Kinh cấp ngày 28-8-2017 đứng tên chị Y và anh S bằng quyền sử dụng đất. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đ, bà T. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh C, chị L về việc yêu cầu anh S và chị Y có trách nhiệm trả nợ chung đối với khoản nợ 290.000.000 đồng. Chị Y và anh S phải chịu án phí về chia tài sản chung và án phí đối với yêu cầu của anh C chị L theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Y yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn S hiện đang cư trú tại phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Theo Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Công Đ, bà Vũ Thị T và anh Đặng Minh C, chị Nguyễn Thị L có kiện đòi tài tiền do anh S và chị Y vay. Tòa án đã thụ lý yêu cầu kiện đòi tài sản của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh Đặng Minh C và chị Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Công Đ và bà Vũ Thị T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[4] Về xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2012, đến năm 2020 thì ly hôn theo Bản án số 15/2020/HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh. Tại bản án ly hôn đã giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, về tài sản chung chưa giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Y và anh S có tài sản chung là diện tích đất 124 m<sup>2</sup> tại tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng, thửa 106 tờ bản đồ 62, giấy chứng nhận được UBND quận Dương Kinh cấp ngày 28-8-2017 đứng tên chị Y và anh S và tài sản trên đất. Quá trình giải quyết vụ án, anh S thừa nhận diện tích đất trên là tài sản chung vợ chồng chưa chia, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện chủ sở hữu là anh S và chị Y. Do đó có căn cứ xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên diện tích đất nêu trên là tài sản chung của chị Y và anh S trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.1] Về yêu cầu của chị Y đề nghị chia quyền sử dụng đất nêu trên bằng hiện vật: Quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh S đều thừa nhận đây là tài sản chung của hai vợ chồng chưa chia và đều có yêu cầu tòa án chia bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của anh S, chị Y nên mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện tại, anh S đang sinh sống trên diện tích đất này, ngoài ra không còn nơi nào khác để ở, chị Y không còn sinh sống trên diện tích đất trên. Quá trình xác minh tại cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, thửa đất nêu trên đủ điều kiện chia tách thửa đất theo quy định (diện tích tối thiểu khi chia hơn 40 m<sup>2</sup>, ngõ đi chung rộng tối thiểu 1,5 m). Vì vậy, yêu cầu của chị Y đề nghị chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của hai vợ chồng theo hiện là có căn cứ, được chấp nhận.

[4.2] Để đảm bảo quyền sử dụng tài sản hợp lý, giữ lại tài sản là ngôi nhà cấp 4 như hiện trạng đồng thời đảm bảo các điều kiện về chia tách quyền sử dụng đất thì trích ra một phần diện tích sử dụng chung giữa hai thửa đất làm lối đi có diện tích 26 m<sup>2</sup>. Do đó, cần chia cho anh S phần diện tích đất 50 m<sup>2</sup> và tài sản trên diện tích đất là nhà cấp 4 (phần nhà số 1, số 2) và mái tôn trước nhà để anh S tiếp tục sử dụng; chia cho chị Y phần diện tích đất 48 m<sup>2</sup> không có nhà và tài sản trên đất gồm giàn trồng cây, công thép, hàng rào hai bên công, tường bao trụ công và cây trồng trên đất theo kết quả thẩm định và định giá tài sản trên đất. Như vậy, tổng giá trị tài sản anh S được chia là 754.980.362 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất 655.300.000 đồng, giá trị vật kiến trúc trên đất là 99.680.362 đồng; giá trị tài sản chị Y được chia là 642.673.081 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 629.088.000 đồng, giá trị cây và vật kiến trúc trên đất là 13.585.081 đồng.

[5] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[5.1] Đối với yêu cầu độc lập của ông Đ và bà T, trước khi mở phiên tòa, ông Đ, bà T đã có đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đ bà T theo quy định pháp luật.

[5.2] Đối với yêu cầu độc lập của anh C, chị L: Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có cung cấp 01 Giấy vay nợ có chữ ký của anh S, chị Y vào ngày 11-5-2017. Nội dung giấy vay nợ thể hiện: Chị Y và anh S có vay của Đặng Minh C và vợ là Chị Nguyễn Thị L (chị gái chị Y) số tiền 240.000.000 đồng, cộng với số nợ cũ là 50.000.000 đồng; tổng số tiền chị Y và anh S vay anh C, chị L là 290.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 17-5-2020 trả. Hội đồng xét xử thấy, giấy vay tiền giữa chị Y, anh S và anh C, chị L là bản gốc có chữ ký của chị Y và anh S, quá trình giải quyết vụ án anh S yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không có ý kiến phản đối, không đề nghị giám định chữ ký, không cung cấp giao nộp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không lên tòa án để bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh và giao nộp chứng cứ của đương sự theo quy định tại các điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và những chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ việc. Căn cứ vào các tài liệu do nguY đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp, có đủ căn cứ xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Y và anh S có vay của anh C, chị L số tiền 290.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 17-5-2017. Do đó, yêu cầu của anh C và chị L về việc yêu cầu anh S và chị Y có trách nhiệm trả nợ chung đối với khoản nợ gốc 290.000.000 đồng, không yêu cầu trả khoản tiền lãi là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. NguY đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 201, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 28, 33, 37, 38, 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 213, 218, 219, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y: Xác định quyền sử dụng 124 m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất tại thửa số 106 tờ bản đồ 62, địa chỉ: Tổ 12,

phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 967992 do UBND quận Dương Kinh cấp ngày 28-8-2017 số vào sổ cấp GCN: CH 00691/Q2 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Y là tài sản chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị Y và anh và anh Nguyễn Văn S.

- Xác định diện tích quyền sử dụng đất 26,0 m<sup>2</sup> có các mốc giới 6-7-8-9-10-11-6 là diện tích sử dụng làm lối đi chung của chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn S (*ký hiệu phần gạch chéo trong sơ đồ*).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng 48,0 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 106 tờ bản đồ 62, địa chỉ: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng có các mốc giới 4-5-11-10-3-4. Chia cho chị Y phần tài sản trên đất gồm: giàn trồng cây, cổng thép, hàng rào 2 bên cổng, 01 cây xoài, 01 cây bưởi, 01 cây nhãn. Tổng giá trị tài sản chị Y được chia trị giá 642.673.081 (sáu trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi một) đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Văn S được quyền sử dụng 50,0 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 106 tờ bản đồ 62, địa chỉ: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, Hải Phòng có các mốc giới 3-10-9-1-2-3 và ngôi nhà cùng công trình phụ trên đất (nhà số 1 và nhà số 2, mái tôn bán mái) trị giá 754.980.362 (bảy trăm năm mươi tư triệu chín trăm tám mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Chị Nguyễn Thị Y là người đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải có nghĩa vụ giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền và có trách nhiệm phối hợp với các bên để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

*(Sơ đồ, vị trí mốc giới, ký hiệu và số đo diện tích các thửa đất theo sơ đồ kèm theo bản án này)*

**2.** Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Đặng Minh C và chị Nguyễn Thị L: Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Y mỗi người phải trả cho anh C và chị L số tiền 145.000.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Công Đ và bà Vũ Thị T về việc yêu cầu anh S chị Y trả lại số tiền vay 50.000 (năm mươi triệu) đồng.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y chịu 29.706.923 đồng án phí về yêu cầu chia tài sản chung và 7.250.000 đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ chung; chị Y đã

nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003527 ngày 25-11-2021. Chị Y còn phải nộp 26.956.923 (hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 34.199.214 (ba mươi tư triệu một trăm chín mươi chín nghìn hai trăm mười bốn) đồng án phí về yêu cầu chia tài sản chung và 7.250.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ chung.

Đặng Minh C và chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh C, chị Nam số tiền 7.250.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng **án phí số 0002832 ngày 15-06-2022** tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

**5. Về chi phí tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ chi phí thẩm định, định giá tài sản.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**